

Bản án số: 212/2022/DS-ST
Ngày 19-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 405/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Bửu S, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp XD, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Bửu L, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp XD, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Bửu S trình bày: Trong năm 2019, ông có cho ông L mượn 03 lần, mỗi lần 50.000.000đ, tổng số tiền 150.000.000đ, không thỏa thuận lãi, thời gian trả và biên nhận. Từ khi vay đến nay, ông L chưa trả số tiền vốn.

Cùng năm, ông L tự ý bán xe và nhà của ông nhưng không cho ông biết, cụ thể: 01 chiếc xe hiệu Airblade do ông đứng tên, giá 20.000.000đ. Sau khi bán, ông L đã đưa ông 15.000.000đ, còn lại 5.000.000đ không đưa. 01 căn nhà cho ông Tạ Hoàng S giá 14.000.000đ nhưng không đưa tiền cho ông.

Ông S khởi kiện yêu cầu ông Long trả tổng số tiền 169.000.000đ (một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Ông Lê Bửu L trình bày: Từ trước đến nay, ông không có mượn 150.000.000đ theo lời trình bày của ông S.

Đối với chiếc xe: Năm 2019, ông S có nhờ ông bán dùm 01 chiếc xe hiệu Airblade do ông S đứng tên, giá 20.000.000đ. Thời điểm này, ông S đang trị bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng do không có tiền nên ông S điện thoại nhờ ông bán xe dùm, giá 20.000.000đ. Trước khi bán, ông có điện thoại cho ông S nói giá 20.000.000đ được ông S đồng ý bán và hứa cho lại ông 1.000.000đ, còn lại 19.000.000đ ông chuyển khoản cho ông S tại Ngân hàng BIDV huyện Năm Căn.

Đối với căn nhà: Cùng năm 2019, ông S nói cho ông Tạ Hoàng S căn nhà của cụ Phan Thị K nhưng ông không đồng ý và ông S thỏa thuận với ông mua lại căn nhà giá 14.000.000đ.

Ông không đồng ý trả cho ông S số tiền 169.000.000đ (một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Tại phiên Tòa,

Ông Lê Bửu S và ông Lê Bửu L vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 28/10/2022.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu ông L trả số tiền 5.000.000đ, buộc ông L trả cho ông S 5.000.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu ông L trả số tiền 164.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu ông L trả số tiền nợ vay 150.000.000đ, thấy rằng: Ông S cho rằng ông L đã mượn của ông số tiền 150.000.000đ nhưng không được ông L thừa nhận và tại phiên tòa ông S không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xác định ông L đã mượn của ông S số tiền 150.000.000đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông S về việc ông L trả số tiền bán xe 5.000.000đ, thấy rằng: Ông S và ông L đều thống nhất số tiền bán 01 chiếc xe hiệu Airblade do ông S đứng tên, giá 20.000.000đ. Theo ông S cho rằng ông L chỉ đưa cho ông 15.000.000đ, còn nợ lại 5.000.000đ. Còn ông L cho rằng đã đưa ông S 19.000.000đ, còn 1.000.000đ ông S hứa cho ông. Xét thấy: Theo văn bản số 15/BIDV.ĐM-PGDNH ngày 05/12/2022 của phòng giao dịch Ngọc Hiền thể hiện: “Tính đến thời điểm hiện tại ông Lê Bửu S sinh năm 1955, địa chỉ: Ấp XD, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau có tài khoản tại BIDV nhưng không có phát sinh giao dịch số tiền 19.000.000đ”. Tại phiên Tòa, ông L không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông và ông S cũng không thừa nhận lời trình bày của ông L. Nên có đủ cơ sở xác định ông L chưa đưa cho ông S số tiền 5.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu ông L trả số tiền bán căn nhà 14.000.000đ, thấy rằng: Theo ông S cho rằng trước đây ông có cho cha mẹ tiền để xây dựng căn nhà, sau khi cha mẹ chết căn nhà trên là của ông và ông L đã tự ý bán căn nhà khi không được phép của ông nên ông yêu cầu ông L trả số tiền 14.000.000đ. Xét thấy: Theo như lời trình bày của ông S, ông L đều xác định căn nhà ông L bán là tài sản của cha mẹ ông, khi chết không có lập di chúc nên căn nhà trên thuộc quyền sở hữu của cha mẹ hai ông. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai của ông Tạ Hoàng S ngày 18/8/2020, ông S trình bày “Trước khi đưa 175.000.000đ cho L tôi nói với chú S về cái nhà L bán lại cho tôi là 14.000.000đ cho tôi chú chịu thì thôi không thì tôi lấy lại 14.000.000đ và chú di dời nhà đi ông S không nói gì coi như đồng ý nhà cho ông L bán cho tôi”. Nên không có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu trên của ông S.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu ông L trả số tiền 5.000.000đ, buộc ông L trả cho ông S 5.000.000đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu ông L trả số tiền 164.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S không phải chịu do thuộc trường hợp được miễn án phí là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí đúng luật định. Ông L phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Lê Bửu S về việc yêu cầu ông Lê Bửu L trả số tiền 5.000.000đ. Buộc ông Lê Bửu L có trách nhiệm trả cho ông Lê Bửu S số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê Bửu S về việc yêu cầu ông Lê Bửu L trả số tiền 164.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Bửu S không phải chịu. Ông Lê Bửu L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng